TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày 01/10/2021
V/v tranh chấp: Xin ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Sông

2. Ông Đinh Văn Thân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Minh Khuê - Thư ký viên, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 9 và 01 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 115/2021/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên toà số 18/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978..

- ***Bị đơn:*** Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1974. Có mặt.

Các đương sự cùng trú tại: Số nhà 214, ngõ 65 đường 19/5, tổ 1 phường N, Thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Tại phiên toà có mặt bị đơn ông Đỗ Văn D, vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị N (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo Đơn khởi kiện; Bản tự khai bà Nguyễn Thị N trình bày:* Bà và ông Đỗ Văn D đăng ký kết hôn ngày 14/10/1998 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh

phúc chỉ được khoảng 1 năm đầu sau khi kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh kể từ năm 1999 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do lối sống, cách nghĩ và cách cư xử của hai vợ chồng không hợp nhau, ông D là người gia trưởng, sống áp đặt, thiếu sự công bằng trong cuộc sống gia đình, ham chơi và ít quan tâm, chia sẻ với vợ con, về nhà thì ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi cọ nhau và rất nhiều lần ông D đã đánh bà phải nhập viện và đã có hai lần Công an phường N, thành phố H và tổ trưởng khu phố đã phải đến can thiệp và lập biên bản sự việc với ông D vào năm 2013 và 2020, sau mỗi lần như vậy ông bà đã ngồi lại nói chuyện rút kinh nghiệm để tìm ra tiếng nói chung vợ chồng cùng nhau chung sống vì các con, nhưng ông D không thay đổi được bản tính của mình, hễ không vừa ý điều gì là ông D kiếm cớ chửi rủa, sỉ nhục và đe doạ bà kể cả trong quan hệ vợ chồng, làm cho bà rất hoảng loạn về tinh thần và ảnh hưởng đến sức khoẻ. Hơn 20 năm qua bà đã phải nhẫn nhịn chịu đựng vì muốn các con được sống yên ổn, có đầy đủ bố mẹ tuy nhiên ông D không thay đổi được bản tính vũ phu, lúc nào cũng đe doạ bà làm cho bà cảm thấy rất áp lực, căng thẳng trong cuộc sống và công tác. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, căng thẳng như vậy nên đã ảnh hưởng rất lớn đến tâm, sinh lý của con cái. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không tôn trọng yêu thương chia sẻ với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Như Q, sinh ngày 10/3/1999 và Đỗ Quỳnh H, sinh ngày 11/01/2005. Cháu Q đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống của mình nên không yêu cầu giải quyết. Cháu H hiện nay đã 16 tuổi, vì cháu cũng đã lớn nên sau khi ly hôn việc cháu sẽ ở với bố hay mẹ là do cháu tự quyết định.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hai lần nhưng ông D không đến cũng không có lý do, do đó Toà án không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không tiến hành hoà giải vụ án được, Toà án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông D vẫn không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Tại phiên toà ngày 15/9/2021 do ông D vắng mặt nên Toà án đã quyết định hoãn phiên toà.

Toà án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của ông D ở tổ 01 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Tổ trưởng tổ 01 phường N đã xác nhận ông D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 01, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, tình trạng hôn nhân của bà N, ông D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đã nhiều lần tổ khu phố và Công an phường phải đến can thiệp. Con gái ông D là cháu Đỗ Quỳnh H cũng xác nhận đã nhận thay các thông báo, giấy tờ của Toà án và gọi điện thoại thông báo cho ông D được biết, tuy nhiên ông D không có ý kiến gì (BL 96).

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt, ngày 26/7/2021 Toà án nhận được Đơn trình bày ý kiến của bà N với nội dung: Do vợ

chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài trong nhiều năm nay. Năm 2013 bà bị ông D đánh gây thương tích phải nhập viện, cơ quan Công an phường N đã phải đến để lập biên bản giải quyết, đỉnh điểm lần gần đây nhất là vào ngày 20/12/2020 ông D đã đánh bà khiến cho bà phải nhập viện điều trị và Công an phường N có đến lập biên bản sự việc, bà đã tạm lánh về nhà mẹ đẻ ở huyện V ở một thời gian cho giảm bớt căng thẳng nhưng ông D đến tận nhà mẹ đẻ của bà để đe doạ. Ông D không có thái độ thay đổi hay quan tâm đến bà theo tình nghĩa vợ chồng nữa mà vẫn thường xuyên nhắn tin, gọi điện thoại đe doạ tính mạng của bà. Bà xét thấy tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được nữa, mâu thuẫn đã rất trầm trọng, không còn tình cảm thì không thể chung sống với nhau được, nên bà đã chủ động làm đơn xin ly hôn đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D. Kèm theo đơn trình bày bà có giao nộp cho Toà án bản photo các tin nhắn đe doạ của ông D và những tấm ảnh bà chụp lại sau khi bị ông D đánh dẫn đến bà phải đi viện điều trị. Đồng thời bà có đơn đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt bà. Do vậy tại phiên toà Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) cũng không tiến hành hoà giải giữa các đương sự được.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn D có mặt tại phiên toà, ông có ý kiến trình bày do ông không nhận được các văn bản của Toà án, ông không được biết việc khởi kiện của bà N, ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, vợ chồng vẫn chung sống bình thường chỉ là những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng hoàn toàn có thể khắc phục được, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do ông phải thường xuyên đi làm ăn xa nên không có nhiều thời gian ở gần vợ con, bà N cũng thường xuyên chơi bời bạn bè, tự ý quyết định các vấn đề kể cả việc đề nghị ly hôn, vì vậy ông không nhất trí ly hôn. Ông xác nhận ông có đánh bà N, năm 2013 và tháng 12/2020 Công an phường N có đến để lập biên bản nhắc nhở hai vợ chồng, nhưng do chị em,bạn bè bà N làm quá lên nên bà N mới vào viện để điều trị chứ sự việc không đến mức nghiêm trọng như thế; Về con chung ông xác nhận có 2 con chung như bà N đã trình bày, Cháu Q đã lớn đang đi học chuyên nghệp, Cháu H đang học lớp 11 nên Cháu H mong muốn ở cùng ai là do cháu quyết định, việc nuôi các cháu ăn học hiện nay ông vẫn đang là người lo cho các cháu. Tài sản chung của vợ chồng ông đề nghị sau này sẽ để cho các con, ông không có ý kiến gì.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự không có mặt theo thông báo trong thời gian Toà án chuẩn bị xét xử vụ án để trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình, tuy nhiên tại phiên toà hôm nay ông D có mặt.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 53, Điều 56, 57, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Đỗ Văn D; Về việc nuôi con chung đề nghị HĐXX, giao cháu Đỗ Quỳnh H, sinh ngày 11/01/2005 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi Cháu H đủ 18 tuổi, không đề cập vấn đề cấp dưỡng nuôi con; Về án phí và quyền kháng cáo đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện "Xin ly hôn, nuôi con chung" với bị đơn là ông Đỗ Văn D, ông D có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 1 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Do đó Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, nhưng bà N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Đỗ Văn D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Ông bà đã có một thời gian chung sống hạnh phúc. Kể từ năm 1999 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do giữa hai vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau trong công việc, trong cuộc sống gia đình. Vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng và ông bà đã sống ly thân nhau từ tháng 06/2021 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của ông bà tại tổ khu phố nơi ông bà cư trú thấy rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng ông bà đã xảy ra nhiều vấn đề mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra xô xát nhau và ông D đã có hành vi đánh vợ, có sự xúc phạm lẫn nhau, gây tổn thương cho nhau và ảnh hưởng đến sức khoẻ cũng như tinh thần của nhau, mặt khác còn làm ảnh hưởng đến tâm, sinh lý và sự phát triển bình thường của con.

[4] Xét thấy, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc giải quyết cho bà N và ông D ly hôn là giải pháp để giải thoát cho cả hai tránh xảy ra mâu thuẫn, xô xát không đáng có, ông D đưa ra đề nghị không nhất trí ly hôn vì ly do ông không được biết việc bà N khởi kiện, ông không nhận được các văn bản của Toà án là không có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông D có ý kiến về việc không đồng ý ly hôn, nhưng ông không có giải pháp nào để cải thiện được tình cảm vợ chồng, tại phiên toà ông cũng xác nhận có nhiều lần đánh bà N vì lý do bà N không nghiêm túc trong các mối quan hệ, tự lập nick zalo để nhắn tin riêng với bạn trai làm cho ông bực tức, nhưng ông D

không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ cũng không có giải pháp nào phù hợp để khắc phục, vì vậy không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của ông D.

[5] Về việc nuôi con chung: Quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung, Cháu Q nay đã trưởng thành đủ khả năng tự lo cho bản thân, Cháu H cũng đã lớn. Căn cứ vào kết quả xác minh và biên bản ghi ý kiến nguyện vọng con chung ngày 26/7/2021 và Biên bản về việc tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, trẻ em *(BL 108-109)* Hội đồng xét xử thấy rằng: Về điều kiện kinh tế cả ông D và bà N đều có điều kiện để đảm bảo nuôi dưỡng con tốt, tuy nhiên xét thấy Cháu H là con gái, giao cho mẹ sẽ có điều kiện chăm sóc giáo dục cháu tốt hơn, mặt khác cháu cũng có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Do đó HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao Cháu H cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu là phù hợp, đảm bảo được điều kiện chăm sóc cháu tốt nhất về mọi mặt.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tại phiên toà ông D cũng không có đề nghị gì do đó HĐXX không đề cập giải quyết.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không có yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ theo khoản 4 Điều 147 của BLTTDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[10] Quan điểm của VKSND thành phố H tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Đỗ Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Quỳnh H, sinh ngày 11/01/2005 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi Cháu H đủ 18 tuổi, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không bị ai cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ly hôn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 0002530, ngày 14 tháng 6 năm 2021 *(Đặng Thảo T nộp thay)*.

- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Ông Đỗ Văn D có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mỹ Lệ

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND TP;
- Các đương sự;
- CCTHADS TP;
- UBND thị trấn Y;
- Lưu HS-BP.